

VƯỚNG MẮC TRONG THI HÀNH QUYẾT ĐỊNH HOÃN CHẤP HÀNH HÌNH PHẠT TÙ VÀ HƯỚNG KHẮC PHỤC

*Lê Minh Bảo Trung**
Email: trunglmb@dlu.edu.vn

Ngày tòa soạn nhận được bài báo: 03/4/2023

Ngày phản biện đánh giá: 02/10/2023

Ngày bài báo được duyệt đăng: 26/10/2023

DOI: 10.59266/houjs.2023.316

Tóm tắt: Bài viết phân tích những hạn chế trong quy định về hoãn chấp hành hình phạt tù và hạn chế trong thi hành quyết định hoãn chấp hành hình phạt tù, từ đó đưa ra một số kiến nghị nhằm hoàn thiện các quy định của pháp luật liên quan đến hoãn chấp hành hình phạt tù và thi hành quyết định hoãn chấp hành hình phạt tù.

Từ khóa: Hoãn chấp hành hình phạt tù, thi hành quyết định hoãn chấp hành hình phạt tù, người bị bệnh nặng, phụ nữ có thai, phụ nữ đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi.

I. Dẫn nhập

Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới đã xác định rõ một trong các mục tiêu cụ thể đến năm 2030 là “*Hệ thống pháp luật dân chủ, công bằng, nhân đạo, đầy đủ, đồng bộ, thống nhất, kịp thời, khả thi, công khai, minh bạch, ổn định, dễ tiếp cận, mở đường cho đổi mới sáng tạo, phát triển bền vững và cơ chế tổ chức thực hiện pháp luật nghiêm minh, nhất quán*”[†].

Để đạt được mục tiêu này thì một trong các nhiệm vụ là cần rà soát, đánh giá hiệu quả điều chỉnh của hệ thống pháp luật nói chung, pháp luật hình sự nói riêng, qua đó có cơ sở để hoàn thiện hệ thống pháp luật. Thực tiễn áp dụng chế định hoãn chấp hành hình phạt tù và thi hành quyết định cho hoãn chấp hành hình phạt tù cho thấy vẫn còn nhiều vướng mắc. Bài viết này phân tích những hạn chế trong áp dụng chế định hoãn chấp hành hình phạt tù và thi hành quyết định cho hoãn chấp hành hình phạt tù, qua đó đề xuất một số giải pháp khắc phục những hạn chế này nhằm

* Trường Đại học Đà Lạt

† Đảng Cộng sản Việt Nam, Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 9/11/2022 Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới.

hoàn thiện pháp luật và tạo thuận lợi cho thực tiễn áp dụng.

II. Cơ sở lý thuyết

Bài viết dựa trên các lý thuyết về tội phạm và hình phạt, lý thuyết về quyết định hình phạt, lý thuyết về chính sách hình sự.

2.1. Lý thuyết về tội phạm và hình phạt

Tội phạm và hình phạt là hai nền tảng lý luận cơ bản trong Luật Hình sự Việt Nam. Lý thuyết về tội phạm làm rõ khái niệm tội phạm, đặc điểm của tội phạm, phân loại tội phạm, phân biệt tội phạm với các vi phạm pháp luật khác và các yếu tố cấu thành tội phạm.[‡] Lý thuyết về hình phạt làm rõ cơ sở của trách nhiệm hình sự, ý nghĩa, mục đích, vai trò của hình phạt, hệ thống hình phạt, căn cứ quyết định hình phạt và các chế định liên quan đến chấp hành hình phạt, trong đó có chế định hoãn chấp hành hình phạt tù.[§]

2.2. Lý thuyết về quyết định hình phạt

Lý thuyết về quyết định hình phạt là nền tảng để lựa chọn loại và mức hình phạt cụ thể áp dụng cho người, pháp nhân thương mại phạm tội nhằm đạt được mục

đích của hình phạt và đáp ứng yêu cầu phòng, chống tội phạm.[¶]

2.3. Lý thuyết về chính sách hình sự

Lý thuyết về chính sách hình sự là nền tảng để định hướng cho các hoạt động lập pháp và áp dụng pháp luật hình sự. Một trong các nội dung của chính sách hình sự là xác định hệ thống hình phạt, các chế tài hình sự và hướng hoạt động của cơ quan xây dựng, cơ quan áp dụng pháp luật hình sự.^{**}

III. Phương pháp nghiên cứu

Các phương pháp phân tích, bình luận, quy nạp, diễn dịch, suy luận logic, phân tích quy phạm pháp luật được sử dụng để làm rõ những hạn chế trong áp dụng chế định hoãn chấp hành hình phạt tù và thi hành quyết định cho hoãn chấp hành hình phạt tù.

Các phương pháp phân tích, bình luận, quy nạp, diễn dịch, suy luận logic được sử dụng để đưa ra những kiến nghị đề xuất một số giải pháp khắc phục những hạn chế này nhằm hoàn thiện pháp luật và tạo thuận lợi cho thực tiễn áp dụng.

[‡] Trường Đại học Luật Hà Nội (2019), Giáo trình Luật Hình sự Việt Nam, Phần chung. Nxb. Công an nhân dân, tr.49-158; Nguyễn Ngọc Hòa (2013), Tội phạm và cấu thành tội phạm. Nxb. Công an nhân dân, tr. 11-110.

[§] Trường Đại học Luật Hà Nội (2019), Giáo trình Luật Hình sự Việt Nam, Phần chung. Nxb. Công an nhân dân, tr.217-335.

[¶] Trường Đại học Luật Hà Nội (2019), Giáo trình Luật Hình sự Việt Nam, Phần chung. Nxb. Công an nhân dân, tr. 263-292.

^{**} Võ Khánh Vinh (2020), Chính sách pháp luật (Giáo trình sau đại học). Nxb. Khoa học Xã hội. tr. 405-418.

IV. Kết quả và thảo luận

4.1. Những vướng mắc trong áp dụng chế định hoãn chấp hành hình phạt tù

Để được hoãn chấp hành hình phạt tù, người bị xử phạt tù phải thuộc một trong bốn trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 67 Bộ luật hình sự (BLHS). Thực tiễn áp dụng Bộ luật hình sự về hoãn chấp hành hình phạt cho thấy, hầu hết người được hoãn chấp hành hình phạt thường thuộc một trong hai trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 67 BLHS.

Điểm a khoản 1 Điều 67 BLHS quy định hoãn chấp hành hình phạt tù cho người *“bị bệnh nặng thì được hoãn cho đến khi sức khỏe được hồi phục”*. Bộ luật hình sự không đưa ra khái niệm cũng như tiêu chuẩn để xác định *“Người bị bệnh nặng”*. Nghị quyết số 01/2007/NQ-HĐTP ngày 02/10/2007 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật hình sự về thời hiệu thi hành bản án, miễn chấp hành hình phạt, giảm thời hạn chấp hành hình phạt (gọi tắt là Nghị quyết số 01/2007/NQ-HĐTP) tại điểm a khoản 7.1 mục 7 của Nghị quyết có hướng dẫn *“bị bệnh đến mức không thể đi chấp hành hình phạt tù được và nếu bắt đi chấp hành hình phạt tù sẽ nguy hiểm đến tính mạng của họ; do đó, cần thiết phải cho họ được hoãn chấp hành hình phạt tù để họ có điều kiện chữa bệnh; ví dụ: ung thư giai đoạn cuối, xơ gan cổ chướng, lao nặng độ 4 kháng*

thuốc, bại liệt, suy tim độ 3 trở lên, suy thận độ 4 trở lên, HIV chuyển giai đoạn AIDS đang có các nhiễm trùng cơ hội và có tiên lượng xấu... Phải có kết luận của bệnh viện cấp tỉnh trở lên về việc người bị xử phạt tù bị bệnh nặng và nếu bắt họ đi chấp hành hình phạt tù sẽ nguy hiểm đến tính mạng của họ”. Theo hướng dẫn của Nghị quyết số 01/2007/NQ-HĐTP thì *“Bệnh nặng”* là *“bị bệnh đến mức không thể đi chấp hành hình phạt tù được”* và *“nếu bắt đi chấp hành hình phạt tù thì sẽ nguy hiểm đến tính mạng của họ”*. Đây là những vấn đề chuyên môn nên Hội đồng xét xử không thể xác định được mà phải dựa vào *“kết luận của bệnh viện cấp tỉnh trở lên”*. Như vậy, một người bị bệnh nặng muốn được hoãn chấp hành hình phạt tù thì phải có được xác nhận của Bệnh viện cấp tỉnh trở lên xác nhận họ là người mắc bệnh nặng và *“nếu bắt họ đi chấp hành hình phạt tù sẽ nguy hiểm đến tính mạng của họ”*. Hướng dẫn này có hai bất cập: Thứ nhất, việc quy định thẩm quyền xác nhận tình trạng bệnh tật phải thuộc bệnh viện cấp tỉnh là chưa phù hợp, vì hiện nay rất nhiều bệnh viện cấp huyện đã đạt hạng 2 và hoàn toàn có thể chẩn đoán chính xác các loại bệnh, kể cả các bệnh nặng đã nêu làm ví dụ trong Thông tư nói trên. Hơn nữa tại Phụ lục IV của Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu đã liệt kê 42 loại bệnh được coi là bệnh hiểm nghèo. Vì vậy, nếu bệnh viện kết luận một người đang mắc

một trong 42 loại bệnh thuộc danh mục này thì đương nhiên họ là người đang mắc bệnh hiểm nghèo, cần điều trị ngay nếu không sẽ nguy hiểm đến tính mạng.

Như vậy, việc yêu cầu người bị phạt tù phải có xác nhận của bệnh viện cấp tỉnh là không cần thiết vì vừa gây khó khăn cho người bị kết án trong trường hợp họ thực sự đang mắc bệnh nặng không thể đi lại được. Mặt khác, việc yêu cầu bệnh viện phải xác nhận “*nếu bắt họ đi chấp hành hình phạt tù sẽ nguy hiểm đến tính mạng của họ*” là hoàn toàn không đúng, vì các bác sĩ thường chỉ xác định chính xác loại bệnh và tình trạng của bệnh nhân chứ khó có thể dự báo việc người bệnh đi chấp hành hình phạt thì có nguy hiểm đến tính mạng của họ hay không. Điều này sẽ gây khó khăn cho người bị kết án đang thực sự bị bệnh và cần phải hoãn chấp hành hình phạt để chữa bệnh.

Điểm b khoản 1 Điều 67 BLHS quy định “*Phụ nữ có thai hoặc đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi, thì được hoãn cho đến khi con đủ 36 tháng tuổi*”. Quy định này xuất phát từ chính sách nhân đạo của Nhà nước ưu tiên bảo vệ phụ nữ có thai và phụ nữ đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi. Theo đó, người bị kết án nếu thỏa mãn điều kiện nêu trên thì sẽ được hoãn cho đến khi con đủ 36 tháng tuổi. Tuy nhiên, Công văn số 99/2003/KHXX ngày 05/8/2003 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn về việc hoãn chấp hành hình phạt tù lại hướng dẫn: “*Theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 61 Bộ luật Hình sự, nếu người bị xử*

phạt tù là phụ nữ có thai hoặc đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi, thì có thể được hoãn chấp hành hình phạt tù cho đến khi con đủ 36 tháng tuổi”. Hướng dẫn này là không đúng như quy định tại điểm b khoản 1 Điều 67 BLHS, vì theo tinh thần của điểm b khoản 1 Điều 67 BLHS thì nếu người bị kết án nào thỏa mãn điều kiện nêu trong điểm b khoản 1 Điều 67 BLHS thì đương nhiên được xét hoãn chấp hành án. Trong khi hướng dẫn tại Công văn số 99/2003/KHXX nêu trên thì khi người bị kết án có đủ điều kiện quy định tại điểm b khoản 1 Điều 67 BLHS thì chỉ có thể được hoãn chứ không phải đương nhiên được hoãn như tinh thần của Điều 67 BLHS.

Từ mâu thuẫn giữa hướng dẫn của Công văn số 99/2003/KHXX với quy định của Điều 67 BLHS dẫn đến việc hoãn chấp hành hình phạt tù đối với phụ nữ có thai hoặc đang nuôi con dưới 36 tháng không thống nhất giữa các địa phương. Ví dụ: Có nơi tòa án cho người bị kết án hoãn chấp hành hình phạt tù từ thời điểm người bị kết án bắt đầu có thai đến khi con họ tròn 36 tháng tuổi. Có nơi tách ra hai giai đoạn, giai đoạn 1 cho hoãn chấp hành hình phạt tù trong thời gian mang thai; giai đoạn hai cho hoãn từ thời điểm người bị kết án sinh con cho đến khi con họ tròn 36 tháng tuổi, có nơi lại cho hoãn chấp hành án phạt tù từng năm một cho đến khi con đủ 36 tháng tuổi. Việc cho hoãn chấp hành án như trên mặc dù không ảnh hưởng đến quyền lợi của đối tượng là phụ nữ có thai và đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi, nhưng sẽ rất khó khăn trong công tác theo dõi thi hành

án^{††} hoặc có nơi cho hoãn chấp hành án, có nơi lại không cho hoãn chấp hành án.

4.2. Những vướng mắc trong thi hành quyết định hoãn chấp hành hình phạt tù

Tại khoản 2 Điều 7 của Thông tư liên tịch số 01/2021/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BCA ngày 12/8/2021 quy định quan hệ phối hợp trong việc thực hiện trình tự, thủ tục hoãn, miễn chấp hành án phạt tù có quy định như sau: “Chánh án Tòa án tổ chức xem xét, thẩm tra đơn, văn bản đề nghị, tài liệu kèm theo và giải quyết như sau:

4.2.1. Trường hợp đơn, văn bản đề nghị và tài liệu kèm theo đã đầy đủ theo quy định tại Điều 6 của Thông tư liên tịch này thì xem xét hoãn chấp hành án phạt tù;

4.2.2. Trường hợp đơn, văn bản đề nghị và tài liệu chưa đầy đủ theo quy định tại Điều 6 của Thông tư liên tịch này thì thông báo bổ sung đơn, văn bản đề nghị và các tài liệu kèm theo. Trường hợp này, thời hạn Chánh án phải xem xét quyết định hoãn chấp hành án phạt tù quy định tại khoản 2 Điều 24 của Luật Thi hành án hình sự được tính kể từ ngày nhận được bổ sung đơn, văn bản, tài liệu kèm theo;

4.2.3. Trường hợp hồ sơ đề nghị hoãn chấp hành án phạt tù đã đầy đủ nhưng nếu thấy còn nội dung vướng mắc, chưa rõ thì Chánh án Tòa án phối hợp với

Viện trưởng Viện kiểm sát cùng cấp để trao đổi, thống nhất trước khi ban hành quyết định”.

Khoản 1 Điều 24 Luật Thi hành án hình sự năm 2019 quy định: “Đối với người bị kết án phạt tù đang được tại ngoại, Chánh án Tòa án đã ra quyết định thi hành án có thể tự mình hoặc theo đơn đề nghị của người bị kết án, văn bản đề nghị của Viện kiểm sát cùng cấp, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nơi người chấp hành án cư trú, cơ quan thi hành án hình sự cấp Quân khu nơi người chấp hành án làm việc hoặc cư trú ra quyết định hoãn chấp hành án phạt tù. Đơn đề nghị hoặc văn bản đề nghị phải được gửi cho Tòa án đã ra quyết định thi hành án kèm theo các giấy tờ có liên quan...”. Hiện nay, chưa có văn bản nào quy định cụ thể, chi tiết về các trường hợp Tòa án có thể tự mình ra quyết định hoãn chấp hành án phạt tù cho người bị kết án. Tại tiểu mục 1.2, mục 1 Phần III Nghị quyết số 02/2007 có quy định: “*Trường hợp không có đề nghị bằng văn bản của Viện kiểm sát, cơ quan Công an cùng cấp hoặc người bị kết án, thì Chánh án Tòa án đã ra quyết định thi hành án chỉ tự mình xem xét, quyết định cho người bị kết án được hoãn chấp hành hình phạt tù trong trường hợp người thân thích của người bị kết án (cha, mẹ, vợ, chồng, anh, chị, em... của người bị kết án) hoặc cơ quan, tổ chức nơi*

^{††} Hồ Nguyễn Quân, Vướng mắc trong hoãn chấp hành án phạt tù, đăng ngày 13/03/2018 trên tạp chí Kiểm sát online. Nguồn: <https://kiemsat.vn/vuong-mac-trong-hoan-chap-hanh-an-phat-tu-49221.html>.

người bị kết án làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi người bị kết án thường trú đề nghị bằng văn bản cho người bị kết án được hoãn chấp hành hình phạt tù”. Theo đó, chỉ khi Chánh án Tòa án đã ra quyết định thi hành án thì mới tự mình xem xét, quyết định cho người bị kết án được hoãn chấp hành hình phạt tù. Tuy nhiên, Chánh án cũng chỉ tự mình quyết định cho người bị kết án được hoãn chấp hành hình phạt trong trường hợp người thân thích của người bị kết án (cha, mẹ, vợ, chồng, anh, chị, em... của người bị kết án) hoặc cơ quan, tổ chức nơi người bị kết án làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi người bị kết án thường trú đề nghị bằng văn bản. Như vậy, để Chánh án tự mình quyết định cho người bị kết án được hoãn chấp hành án thì phải có hai điều kiện: 1) Chánh án đã ra quyết định thi hành án; và 2) người thân thích của người bị kết án (cha, mẹ, vợ, chồng, anh, chị, em... của người bị kết án) hoặc cơ quan, tổ chức nơi người bị kết án làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi người bị kết án thường trú đề nghị bằng văn bản cho người bị kết án được hoãn chấp hành án. Trường hợp Tòa án chưa ra quyết định thi hành án mà người bị kết án hoặc người thân thích của người bị kết án hoặc cơ quan, tổ chức nơi người bị kết án làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi người bị kết án thường trú đề nghị bằng văn bản cho người bị kết án được hoãn chấp hành án thì Tòa án sẽ không được tự mình quyết định cho người bị kết án hoãn chấp hành án. Như vậy khái niệm “Tự mình quyết định” hiểu theo nghĩa này là rất hạn chế.

Luật chỉ quy định trường hợp người bị kết án phạt tù đang được tại ngoại thì Chánh án Tòa án đã ra quyết định có thể tự mình hoặc theo đơn đề nghị của người bị kết án, văn bản đề nghị của Viện kiểm sát cùng cấp, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nơi người chấp hành án cư trú, cơ quan thi hành án hình sự cấp Quân khu nơi người phải chấp hành án làm việc hoặc cư trú ra quyết định hoãn chấp hành án phạt tù. Còn đối với người bị kết án phạt tù đang bị tạm giam thì luật chưa có hướng dẫn. Điều này dẫn đến các cơ quan pháp luật có nhận thức, áp dụng pháp luật khác nhau và xảy ra tình trạng là sau khi Cơ quan thi hành án hình sự nhận được quyết định thi hành án phạt tù của Tòa án, quá trình theo dõi việc thực hiện quyết định thi hành án, thấy người bị kết án không đi chấp hành án được và có nguyện vọng muốn được hoãn chấp hành án, Cơ quan Thi hành án hình sự lại hướng dẫn người bị kết án làm đơn, gửi đến Tòa án.

Trong thực tế, chưa có trường hợp nào Chánh án tự mình ra Quyết định hoãn chấp hành hình phạt tù cũng như Viện trưởng Viện kiểm sát cùng cấp chưa có đề nghị Chánh án Tòa án nhân dân cùng cấp ra Quyết định hoãn chấp hành hình phạt tù cho người bị kết án. Chỉ có trường hợp Cơ quan thi hành án hình sự có đề nghị Tạm đình chỉ thi hành án hình phạt tù do người bị kết án bị bệnh nặng hoặc đang mang thai.

Như vậy, việc thiếu hướng dẫn cụ thể về các điều kiện hoãn chấp hành

án phạt tù được quy định tại khoản 1 Điều 67 BLHS hiện hành và quy định về trách nhiệm của cơ sở y tế, tổ chức giám định, người giám định trong việc xác định tình trạng bệnh của người bị kết án có đến mức nếu đưa đi chấp hành án có nguy hiểm đến tính mạng như đã nêu trên không chỉ gây khó khăn cho Tòa án trong việc xem xét, quyết định cho hoãn chấp hành hình phạt tù mà còn ảnh hưởng đến quyền của người bị kết án thực tế đang bị bệnh nặng nhưng không được cho hoãn chấp hành án. Bên cạnh đó, điều này còn ảnh hưởng đến công tác thi hành án phạt tù, đặc biệt trong công tác tiếp nhận, quản lý, thực hiện chế độ đối với những phạm nhân là đối tượng bị kết án phạt tù bị bệnh nặng nhưng không được cho hoãn chấp hành án. Bởi, các đối tượng thuộc trường hợp này khi chấp hành hình phạt tù thường phát sinh vấn đề về sức khỏe do bệnh mắc trước đó không được điều trị dứt điểm, thường xuyên tái phát, dẫn đến trách nhiệm của cơ sở giam giữ phạm nhân trong việc thực hiện thủ tục trích xuất phạm nhân đi khám, chữa bệnh, thực hiện chế độ đối với phạm nhân...; đồng thời còn ảnh hưởng đến khoản ngân sách của nhà nước trong việc đảm bảo thực hiện chế độ khám bệnh, chữa bệnh đối với phạm nhân; ngoài ra còn phát sinh thêm thủ tục và trách nhiệm của các cơ quan trong việc đề nghị, xem xét, quyết định tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù đối với những phạm nhân này.

V. Kết luận

Từ những hạn chế nêu trên cho thấy, để tạo thuận lợi cho việc áp dụng chế định hoãn chấp hành hình phạt tù và thi hành quyết định hoãn chấp hành hình phạt tù, cần hoàn thiện pháp luật có liên quan như sau:

- Sửa Điều 24 Luật Thi hành án hình sự năm 2019:

“Điều 24. Thủ tục hoãn chấp hành án phạt tù

1. Đối với người bị kết án đang bị tạm giam, Chánh án Tòa án đã ra quyết định thi hành án hoặc chưa ra quyết định thi hành án đối với người bị kết án có thể ra quyết định hoãn chấp hành án phạt tù khi có văn bản đề nghị của Viện kiểm sát cùng cấp, Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nơi người chấp hành án cư trú, Cơ quan thi hành án hình sự cấp Quân khu nơi người bị kết án đang bị tạm giam.

2. Đối với người bị kết án phạt tù đang được tại ngoại, nếu Chánh án Tòa án chưa ra quyết định thi hành án, thì căn cứ vào hồ sơ vụ án, nếu người bị kết án có đủ điều kiện được hoãn chấp hành án phạt tù, Chánh án Tòa án có thẩm quyền ra quyết định thi hành án đối với người bị kết án có thể tự mình ra quyết định hoãn chấp hành án phạt tù đối với người bị kết án.

3. Đối với người bị kết án phạt tù đang được tại ngoại, nếu Chánh án Tòa án đã ra quyết định thi hành án, thì Chánh án Tòa án chỉ ra quyết định hoãn chấp hành án khi có văn bản đề nghị hoãn chấp hành án phạt tù của Viện kiểm sát cùng cấp,

Công an cấp huyện nơi người chấp hành án cư trú, Cơ quan thi hành án hình sự cấp Quân khu nơi người phải chấp hành án làm việc hoặc cư trú”.

- Ban hành văn bản hướng dẫn cụ thể các tình tiết quy định tại Điều 67 BLHS:

Cần sửa hướng dẫn tại Nghị quyết số 01/2007/NQ-HĐTP theo hướng Bệnh viện có thẩm quyền xác định tình trạng “Bệnh nặng” của người chấp hành án theo Phụ lục IV của Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu đã liệt kê 42 bệnh hiểm nghèo hoặc Bộ Y tế ban hành Danh mục bệnh nặng để phục vụ việc xác định điều kiện được hoãn chấp hành án.

Tương tự như vậy, Bệnh viện có thẩm quyền cũng chỉ xác định tình trạng “có thai” theo chuyên môn để làm cơ sở cho Tòa án quyết định cho hoãn chấp hành hình phạt tù.

Tài liệu tham khảo

- [1]. Chính phủ, Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.
- [2]. Đảng Cộng sản Việt Nam, Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 9/11/2022 Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương
- Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới.
- [3]. Hội đồng Thẩm phán TANDTC, Nghị quyết số 01/2007/NQ-HĐTP ngày 02/10/2007 hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật hình sự về thời hiệu thi hành bản án, miễn chấp hành hình phạt, giảm thời hạn chấp hành hình phạt.
- [4]. Hồ Nguyễn Quân, Vương mắc trong hoãn chấp hành án phạt tù, đăng ngày 13/03/2018 trên tạp chí Kiểm sát online. Nguồn: <https://kiemsat.vn/vuong-mac-trong-hoan-chap-hanh-an-phat-tu-49221.html>.
- [5]. Thông tư liên tịch số 01/2021/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BCA ngày 12/8/2021 quy định quan hệ phối hợp trong việc thực hiện trình tự, thủ tục hoãn, miễn chấp hành án phạt tù.
- [6]. Tòa án nhân dân tối cao, Công văn số 99/2003/KHXX ngày 05/8/2003 hướng dẫn về việc hoãn chấp hành hình phạt tù.
- [7]. Trường Đại học Luật Hà Nội (2019), Giáo trình Luật Hình sự Việt Nam, Phần chung. Nxb. Công an nhân dân, tr.49-158; Nguyễn Ngọc Hòa (2013), Tội phạm và cấu thành tội phạm. Nxb. Công an nhân dân.
- [8]. Võ Khánh Vinh (2020), Chính sách pháp luật (Giáo trình sau đại học). Nxb. Khoa học Xã hội.

DIFFICULTIES IN IMPLEMENTING THE DECISION TO DEFER IMPRISONMENT SENTENCE AND SOLUTIONS

Le Minh Bao Trung^{††}

Abstract: *This article analyzes the limitations in regulations on Deferred imprisonment sentence and limitations in implementing decisions to defer imprisonment sentence. On that basis, it suggests orientations to improve the provisions of law related to postponing the serving of prison sentences and implementing the decision to defer imprisonment sentence.*

Keywords: *Deferred imprisonment sentence, Execution of decisions to defer imprisonment sentence, People who are seriously ill, Pregnant, Women raising children under 36 months old.*

^{††} Dalat University